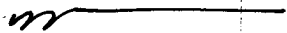


**PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN**

Số đến: 3358.....Ngày đến: 23/4/2019.....

Cơ quan ban hành văn bản: ĐP CATH H.....

Số ký hiệu văn bản: 41/BC-CATH.....Ngày tháng văn bản: 22/4/2019

Tham mưu ý kiến xử lý của Văn phòng	Duyệt lãnh đạo	Bộ phận/chuyên viên xử lý văn bản
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đ/C Hoàng Hữu Nam - PGĐSYT</li> <li>- Phòng NVY (Góc)</li> <li>- BV HHCN.</li> </ul>		
	Ngày:...../...../201...	

Số: 41/BC-LĐTBXH

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 4 năm 2019

## BÁO CÁO

### **Kết quả thực hiện trợ giúp người khuyết tật năm 2018 và kế hoạch năm 2019.**

Thực hiện Luật người khuyết tật; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 16/11/2012 của UBND tỉnh về việc triển khai Đề án trợ giúp người khuyết tật tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2012-2020; Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 02/02/2018 của UBND tỉnh về trợ giúp người khuyết tật tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018.

Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện trợ giúp người khuyết tật của các Sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện trợ giúp người khuyết tật (NKT) năm 2018, kế hoạch năm 2019 như sau:

#### **A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

##### **I. Kết quả triển khai các hoạt động trợ giúp**

##### **1. Công tác chỉ đạo, tuyên truyền**

Thực hiện Luật NKT số 51/2010/QH12, Quyết định số 1100/QĐ-TTg ngày 21/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về Quyền của NKT, đã tham mưu UBND tỉnh ban hành một số văn bản liên quan đến NKT.

Trên cơ sở các Kế hoạch của UBND tỉnh, các Sở, ban ngành tùy theo chức năng, nhiệm vụ hàng năm đều ban hành Kế hoạch hoạt động theo lĩnh vực phụ trách như: Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch trợ giúp pháp lý cho NKT, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch trợ giúp NKT,...

Công tác tuyên truyền về các chính sách, đề án, chương trình trợ giúp NKT đã được các Sở, ngành, đơn vị, tổ chức có liên quan triển khai bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng: đặc biệt là hình thức phổ biến, tuyên truyền thông qua các hình thức như tập huấn, hội nghị, hội thảo... nhằm góp phần đảm bảo thực hiện quyền của NKT trên địa bàn tỉnh nhà.

Ngoài ra, trong khuôn khổ dự án Hỗ trợ NKT tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015-2018, Trung tâm ACDC phối hợp với Ban Quản lý dự án hỗ trợ NKT tỉnh, Hội NKT tỉnh tổ chức 01 lớp tập huấn về chính sách pháp luật, giới và bình đẳng giới liên quan đến NKT cho 98 NKT, gia đình NKT của thị xã Hương Thủy và huyện Phú Vang. Qua đó, góp phần tuyên truyền, phổ biến các chính sách đến với NKT, gia đình NKT.

**2. Trợ giúp về đời sống, cải thiện điều kiện sinh hoạt:** Thực hiện Luật NKT, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện quy định trợ cấp xã hội hàng tháng ở cộng đồng cho các đối tượng là NKT thuộc diện chính sách và NKT nuôi dưỡng tập trung trong cơ sở bảo trợ xã hội. Đến cuối tháng 12/2018, có 22.972 NKT nặng và đặc biệt nặng, 3.660 gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NKT được hưởng chính sách trợ giúp xã hội;

Đề góp phần trợ giúp về đời sống, cải thiện điều kiện sinh hoạt cho NKT, nhân dịp Tết Mậu Tuất 2018, các ngày lễ lớn trong năm. Ngoài các chính sách của nhà nước, thông qua các nguồn vận động, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đã hỗ trợ hơn 20.000 suất quà với số tiền hơn 6,5 tỷ đồng cho NKT có hoàn cảnh khó khăn; trao học bổng cho 1.100 lượt trẻ em khuyết tật vượt khó với số tiền 1,42 tỷ đồng. Ngoài ra, đã xây dựng được 02 nhà tình thương; cải tạo, sửa chữa 07 nhà cho những hộ gia đình NKT thuộc hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền 278 triệu đồng;

### **3. Trợ giúp về y tế, chăm sóc sức khỏe**

Tính đến cuối tháng 12/2018, có 22.972 NKT đặc biệt nặng, nặng được cấp thẻ Bảo hiểm y tế theo quy định của Nghị định số 28/2012/NĐ-CP và những NKT nhẹ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế hoặc hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế; 100% Trung tâm y tế/Bệnh viện cấp huyện và trạm y tế cấp xã có phân công cán bộ chuyên trách về chương trình phục hồi chức năng (PHCN) dựa vào cộng đồng; có mạng lưới chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng hoạt động ở 152 xã/phường/thị trấn với 1.275 cộng tác viên chương trình y tế thôn/tổ; 100% bệnh viện huyện có tổ chức PHCN (khoa, phòng, tổ PHCN); 100% bệnh viện đa khoa cấp tỉnh thành lập khoa PHCN và có 01 bệnh viện PHCN. Chương trình PHCN dựa vào cộng đồng đã được triển khai rộng khắp trên địa bàn tỉnh, các hoạt động chủ yếu chú trọng công tác phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, can thiệp sớm trẻ khuyết tật để cải thiện chất lượng cuộc sống của NKT về mọi mặt.

Trong khuôn khổ của Dự án thực thi chính sách và trị liệu cho NKT giai đoạn 2016-2020 do USAID tài trợ, thông qua tổ chức IC đã triển khai khám sàng lọc, đánh giá nhu cầu, cung cấp và theo dõi sử dụng dụng cụ trợ giúp (xe lăn, xe lắc, gậy, nạng, khung tập đi, ghế bô vệ sinh...) cho 228 NKT vận động tại huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong đó, chỉ định cấp dụng cụ trợ giúp di chuyển 152 người; dụng cụ chỉnh hình 40 người.

Tổ chức tiếp nhận, khám chữa bệnh, hướng dẫn điều trị và PHCN cho 3.612 lượt bệnh nhân vào điều trị tại Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh và hướng dẫn tập luyện cho 1.621 người tại cộng đồng

Thông qua các hoạt động hỗ trợ NKT, trong năm 2018 Hội Bảo trợ NKT và trẻ mồ côi tỉnh đã hỗ trợ, cung cấp hơn 420 xe lăn, 10 xe lắc, 25 xe đạp, 42 xe đẩy và nhiều dụng cụ hỗ trợ khác cho NKT với số tiền 1,34 tỷ đồng.

#### **4. Trợ giúp về giáo dục**

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện nghiêm chỉnh việc tiếp nhận học sinh khuyết tật vào học trong các trường công lập ở tất cả các bậc học, cấp học theo phương thức giáo dục hòa nhập. Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức giáo dục hòa nhập là 34,3%. Số trẻ khuyết tật đi nhà trẻ, mẫu giáo: 95; trẻ khuyết tật học tiểu học: 934; trẻ khuyết tật học trung học cơ sở: 17; trẻ khuyết tật học trung học phổ thông: 32.

NKT được nhập học ở độ cao hơn so với độ tuổi quy định đối với giáo dục phổ thông; được ưu tiên trong tuyển sinh; được miễn, giảm một số môn học hoặc nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân không thể đáp ứng; thực hiện đúng các quy định về miễn giảm học phí, cấp học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật theo quy định.

Tuyên truyền, phổ biến những văn bản pháp luật liên quan đến người khuyết tật cho cán bộ quản lý cốt cán mầm non, tiểu học, THCS, THPT và chỉ đạo triển khai nhân rộng trong đội ngũ giáo viên thông qua hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học hàng năm.

Tổ chức tập huấn cho giáo viên giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông kỹ năng giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, chuyển dần từ giáo dục chuyên biệt sang giáo dục hòa nhập đối với những trường có lớp học chuyên biệt trong trường phổ thông.

Phối hợp với Hội NKT tỉnh triển khai thực hiện Dự án Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật theo Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt dự án viện trợ không hoàn lại “Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật” do Bộ ngoại giao Na Uy tài trợ thông qua Trung tâm hành động vì sự nghiệp phát triển cộng đồng (ACDC) tại thành phố Huế.

Việc cung cấp thiết bị, đồ dùng, phương tiện đảm bảo cho việc thực hiện giáo dục trẻ khuyết tật cũng được quan tâm và đầu tư một cách hợp lý, thiết thực đã tạo niềm tin cho cộng đồng, xã hội, nhất là phụ huynh có con là người khuyết tật, do đó ngày càng nhiều trẻ khuyết tật đi học ở các cấp học.

#### **5. Trợ giúp về đào tạo nghề và việc làm**

##### **\* Hỗ trợ đào tạo nghề**

Căn cứ các văn bản của Trung ương, Bộ, ngành liên quan, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã chỉ đạo các địa phương ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề cho NKT và đảm bảo đào tạo nghề cho NKT đạt chỉ tiêu đào tạo nghề hàng năm của địa phương, trong đó chú trọng bố trí kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề hàng năm để hỗ trợ đào tạo nghề cho NKT.

Thông qua các chính sách hỗ trợ của Trung ương và địa phương; các cơ sở dạy nghề và tạo việc làm cho NKT (Trung tâm Dạy nghề và tạo việc làm cho người tàn tật tỉnh, Trung tâm dạy nghề và giải quyết việc làm cho NKT Hy vọng), năm 2018 đã đào tạo, dạy nghề được 23 khóa cho 355 NKT học các nghề chủ yếu như may công nghiệp, thêu, thủ công mỹ nghệ, sửa chữa xe máy, điện dân dụng.... với kinh phí 4,9 tỷ đồng. Không chỉ đào tạo nghề cho các em, các

Trung tâm, Cơ sở dạy nghề luôn cố gắng tìm việc làm cho các em, giúp các em ổn định cuộc sống. Không những giới thiệu việc làm cho NKT, các cơ sở này còn đứng ra nhận hợp đồng gia công sản phẩm với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để tạo việc làm cho những lao động không xin được việc làm với thu nhập bình quân từ 500.000-1.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, Trung tâm Dạy nghề Tạo việc làm cho người mù (thuộc Hội người mù tỉnh) đã phối hợp với Hội người mù cấp huyện của tỉnh và các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề. Kết quả năm 2018: mở 02 lớp dạy nghề làm hương, sản xuất chổi đót cho 32 học viên là người mù của thị xã Hương Trà và huyện Quảng Điền. Thông qua lao động sản xuất tập trung tại công ty, hợp tác xã, các cơ sở sản xuất thuộc hội người mù tỉnh đã giải quyết việc làm thường xuyên cho 147 lao động. Thu nhập người lao động tại các cơ sở sản xuất từ 850.000-1.650.000 đồng; tại các cơ sở dịch vụ xoa bóp từ 3.000.000 đồng trở lên.

#### \* Hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm

Thông qua nguồn vốn vay từ các kênh khác nhau (Trung ương Hội, Ngân hàng chính sách sách...) đã giúp cho người mù nói riêng, NKT nói chung có được việc làm, tạo thu nhập, vươn lên trong cuộc sống. Cụ thể, hiện nay: Hội người mù tỉnh đang quản lý 2,861 tỷ gồm 46 dự án cho 190 hộ vay; Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi tỉnh quản lý tổng số vốn không lãi suất quay vòng 230 triệu đồng; Hội NKT huyện Phong Điền: 421 triệu đồng (từ dự án VOM16) để người khuyết tật có điều kiện phát triển kinh tế gia đình; Hội NKT Nam Đông: 244 triệu đồng (từ tổ chức USAID) để hỗ trợ sinh kế, giải quyết việc làm cho NKT.

### **6. Trợ giúp về Văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và Du lịch**

Thực hiện chính sách của Nhà nước đối với NKT, ngành Văn hóa và Thể thao, ngành Du lịch tỉnh đã thực hiện lồng ghép các hoạt động để nâng cao đời sống tinh thần, hưởng thụ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và du lịch cho NKT ở cộng đồng.

#### \* Kết quả đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện

- Du lịch: Theo các tiêu chí tại Bộ Tiêu chuẩn quốc gia "TCVN 4391:2009" về phân loại, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch yêu cầu: Các cơ sở lưu trú du lịch từ 1 đến 5 sao phải có đường xe lăn, xe đẩy của NKT. Các cơ sở lưu trú du lịch từ 4 đến 5 sao có buồng ngủ dành cho NKT đi xe lăn, xe đẩy. Phần lớn các khách sạn 3 sao trở lên trên địa bàn tỉnh đều có đường xe lăn, xe đẩy cho NKT (26 cơ sở); Khách sạn 4 sao trở lên có buồng ngủ dành cho NKT đi xe lăn, xe đẩy (17 cơ sở)

#### - Thể dục, thể thao:

+ Đầu tư cơ sở vật chất như: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu dành riêng cho NKT. Có chính sách ưu tiên NKT tham gia tập luyện các cơ sở TDTT;

+ Thành lập các CLB TDTT như: Cờ, Bóng đá, Cầu lông, Bóng bàn, Bơi... dành cho NKT; Phối hợp liên đoàn Bóng đá Na Uy thành lập CLB Bóng đá cho các em khuyết tật tại các cơ sở Bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh;

+ Hàng năm, Sở Văn hóa Thể thao phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội NKT tỉnh tổ chức tập luyện cho các vận động viên Điền kinh, Bơi, Cầu lông, Bóng bàn,... để tham gia Hội thi thể thao NKT toàn quốc. Trong năm 2018, đoàn thể thao NKT tỉnh Thừa Thiên Huế đã tham gia hội thi thể thao NKT được tổ chức tại thành phố Đà Nẵng và đạt được 05 HCB, 03 HCD cho các nội dung tham gia thi đấu. Nhìn chung, hoạt động thể thao của NKT tỉnh Thừa Thiên Huế đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ, góp phần cho việc thúc đẩy hoạt động của NKT ngày càng phát triển, giúp NKT vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.

- Kết quả miễn, giảm giá vé, giá dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí và du lịch theo quy định của Luật NKT và văn bản hướng dẫn thi hành Luật được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Tất cả các đơn vị trực thuộc ngành đều được quán triệt thực hiện việc quan tâm, giúp đỡ và tạo mọi điều kiện cho NKT khi tham quan, sử dụng dịch vụ tại bảo tàng, nhà trưng bày nghệ thuật, thư viện, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao và du lịch...

### **7. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng các công trình xây dựng công cộng ; tham gia giao thông**

\* Kết quả thực hiện việc miễn, giảm giá vé, giá dịch vụ giao thông công cộng: Đối với NKT đặc biệt nặng, NKT nặng khi tham gia giao thông bằng các phương tiện công cộng như xe buýt... đều được các cơ quan, đơn vị nhà nước cũng như các doanh nghiệp, công ty tư nhân xem xét giảm, miễn giá vé, giá dịch vụ. Ngoài ra, NKT đặc biệt nặng, NKT nặng khi tham gia giao thông trên các tuyến vận tải nội địa bằng các phương tiện máy bay, tàu hỏa, tàu điện, tàu thủy, xe ô tô vận tải khách theo tuyến cố định đều được xem xét giảm giá vé theo quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP.

\* Kết quả thực hiện lộ trình cải tạo nhà chung cư, công trình công cộng: Một số công trình xây dựng công cộng đã được cải tạo để tăng khả năng tiếp cận cho NKT như Ga Huế; trụ sở các Hội đặc thù của huyện A Lưới; trụ sở UBND và trạm y tế các xã Lộc Trì, Lộc Hòa của huyện Phú Lộc; các khách sạn; trụ sở các cơ quan... Điều này, bước đầu đã tạo ra cơ hội cho NKT tham gia vào các hoạt động xã hội và phát huy khả năng của mình để ổn định đời sống, hoà nhập cộng đồng.

**8. Trợ giúp pháp lý (TGPL):** Trên cơ sở các văn bản triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật năm 2018 của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 22/02/2018 về việc triển khai thực hiện chính sách TGPL cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đã tổ chức được 94 lượt truyền thông về TGPL cho khoảng 4.260 người (trong đó có khoảng 275 NKT). Thông qua các đợt truyền thông, đã lồng ghép tuyên truyền, phổ biến Công ước của Liên hiệp quốc về quyền của NKT; Luật NKT; Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 01/4/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NKT; Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTP-BGDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện, giúp cho các hội viên Hội NKT

hiểu rõ các quy định về việc xác định mức độ khuyết tật, các quy định của pháp luật và chính sách của nhà nước dành riêng cho NKT. Bên cạnh đó, Trung tâm TGPL tỉnh đã biên soạn và cấp phát miễn phí 5.500 tờ gấp pháp luật, cuốn sách hỏi đáp pháp luật về Bên cạnh đó, Trung tâm trợ giúp pháp lý đã biên soạn và cấp phát miễn phí 5.500 tờ gấp pháp luật, cuốn sách hỏi đáp pháp luật về NKT.

Kết quả thực hiện TGPL cho NKT: Trung tâm TGPL tỉnh đã thực hiện TGPL 31 vụ việc ở các huyện Phong Điền, Phú Vang và thị xã Hương Thủy, trong đó: Hôn nhân gia đình: 08 vụ; Đất đai, nhà ở: 10 vụ; lĩnh vực khác: 13 vụ.

Công tác TGPL lưu động: Trung tâm TGPL tỉnh phối hợp với Hội NKT tỉnh và Hội NKT các huyện xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát nhu cầu TGPL tại các huyện. Ngoài ra, thông qua hoạt động của Dự án hỗ trợ NKT tỉnh, Trung tâm đã cử cán bộ tham gia cùng Trung tâm ACDC thực hiện tư vấn pháp luật lưu động cho NKT, gia đình NKT trên địa bàn tỉnh. Thông qua các đợt TGPL, Trung tâm TGPL đã lồng ghép phổ biến cho Hội NKT các văn bản liên quan đến NKT như Luật NKT, Nghị định số 28/2012/NĐ-CP... và tư vấn về các vấn đề hội viên Hội NKT quan tâm như: quyền được chăm sóc sức khỏe (khám chữa bệnh, phục hồi chức năng), trợ cấp xã hội, học nghề và việc làm...

Trong khuôn khổ dự án Hỗ trợ người khuyết tật tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2015-2018, năm 2018, Trung tâm ACDC phối hợp với Ban Quản lý dự án hỗ trợ NKT tỉnh, Hội NKT tỉnh tổ chức 01 đợt tư vấn pháp luật động cho 98 NKT, gia đình NKT của thị xã Hương Thủy và huyện Phú Vang; 01 lớp tập huấn cho 29 cán bộ, nhân viên làm công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho NKT của các Sở, ban ngành, đơn vị liên quan.

### **9. Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông**

Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông luôn quan tâm, chỉ đạo các cơ quan báo chí, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về NKT.

Căn cứ Thông tư 26/2009/TT-BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, nhằm hỗ trợ tốt nhất cho NKT, Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai một số chức năng trên trang Thông tin điện tử (TTĐT) như sau:

+ Các trang TTĐT đã hỗ trợ chức năng phóng to, thu nhỏ kích cỡ chữ trong một tin bài trên trang TTĐT cho phù hợp với người đọc, truy cập tin (đã triển khai cho 27 trang cấp sở, huyện);

+ Về việc đảm bảo màu sắc và độ tương phản hợp lý, Sở đã triển khai trang TTĐT theo chuẩn trang TTĐT của tỉnh, đã kết hợp giữa màu nền và màu chữ phải có độ tương phản rõ ràng để hỗ trợ người khiếm thị màu sắc dễ dàng nhận biết, hạn chế sử dụng màu sắc để nhấn mạnh nội dung trong một đoạn văn bản;

+ Trên trang TTĐT, đã mô tả nội dung thông tin tương đương cho các đối tượng không phải là đối tượng văn bản như biểu tượng, hình ảnh, phím xác nhận, chữ nghệ thuật, biểu đồ, đồ thị, và tất cả các liên kết trên hình ảnh; dòng văn bản

diễn tả nội dung thông tin chính của các đối tượng thông tin âm thanh, video; Phần chú thích đều có dưới mỗi ảnh, hoặc video hiển thị trên trang TTĐT;

+ Trang TTĐT không sử dụng chữ hay đối tượng nhấp nháy (chỉ nhấp nháy khi có tin tức mới (new) được cập nhật mới, không bố trí các chữ tự động chuyển động để đảm bảo có thể sử dụng được trình đọc màn hình khi cần thiết. Một số đơn vị muốn phần trên (banner) của trang TTĐT có ảnh động thì Sở cũng hỗ trợ để cho các đơn vị sử dụng để quảng bá hình ảnh của đơn vị đó.

+ Về việc trình bày bảng dữ liệu trên trang TTĐT: các nội dung thông tin được tóm tắt cho các bảng dữ liệu để mô tả bảng thể hiện dữ liệu gì, tên các tiêu đề của bảng; Sử dụng kỹ thuật đánh dấu để liên kết các ô dữ liệu với các ô tiêu đề tương ứng cho các bảng dữ liệu để thể hiện tính liên kết, hợp lý giữa các cột, hàng, ô trong bảng dữ liệu.

- Về định hướng thông tin: Căn cứ trên thiết kế chuẩn giao diện trang theo Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND, ngày 20/5/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, về việc ban hành quy định quản lý, hoạt động và cung cấp thông tin trên công/trang thông tin điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, trên các trang TTĐT đã có các liên kết tới các cơ quan hành chính chủ yếu của tỉnh, các liên kết giữa các sở ban ngành, liên kết tới các trang văn bản, lịch công tác... Trang TTĐT đã sử dụng cụm từ có nghĩa để gắn với một đường liên kết hoặc sử dụng thuộc tính 3 tiêu đề để cung cấp thông tin bổ sung giúp làm rõ hoặc miêu tả cụ thể hơn mục đích của một liên kết; Đã phân chia các phần nội dung thông tin trong một trang thông tin như: Mục tin tức sự kiện, tin tức giới thiệu, tin tức tuyên truyền;

- Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo Trung tâm Giám sát, Điều hành đô thị thông minh hỗ trợ Hội Người mù tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc cung cấp và thiết lập tên miền cho trang thông tin điện tử của Hội tại địa chỉ: [hoinguoimu.thuathienhue.gov.vn](http://hoinguoimu.thuathienhue.gov.vn) (do Hội Người mù tỉnh tự chủ quản lý, vận hành).

## **10. Phát triển tổ chức, hoạt động của Hội NKT tại địa phương**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh các tổ chức của/vì NKT đã được thành lập như: Hội người mù, Hội NKT cấp tỉnh/huyện/xã, Hội Bảo trợ NKT và trẻ mồ côi tỉnh; Hội nạn nhân chất độc da cam (dioxin). Tính đến nay, có 9/9 Hội NKT cấp huyện và 51/152 Hội NKT cấp xã được thành lập.

**11. Nâng cao năng lực và kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp NKT:** Thực hiện hướng dẫn của Ủy ban Quốc gia về NKT Việt Nam về việc thành lập Ban Công tác NKT cấp tỉnh. Ngày 09/11/2016, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 2792/QĐ-UBND về việc thành Ban Công tác NKT tỉnh nhằm giúp UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết các vấn đề liên quan về chế độ, chính sách đối với NKT. Hiện nay, Ban công tác NKT tỉnh đã sáp nhập với Ban công tác người cao tuổi tỉnh và đổi tên thành Ban công tác về người cao tuổi và NKT tỉnh theo Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND tỉnh về việc hợp nhất và kiện toàn Ban Công tác Người cao tuổi - NKT tỉnh Thừa Thiên Huế.



## **II. Đánh giá chung**

Qua quá trình triển khai tổ chức các hoạt động, công tác trợ giúp NKT đạt được một số kết quả, tồn tại và nguyên nhân như sau:

### **1. Kết quả đạt được**

- Sự phối hợp giữa các Sở, ngành, đơn vị trong việc triển khai công tác trợ giúp NKT từng bước được cải thiện;
- Hoạt động trợ giúp NKT đã đạt được nhiều kết quả tốt nhờ sự quan tâm, phát huy trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư và xã hội;
- Các rào cản xã hội, rào cản giao thông, đi lại, thông tin... từng bước được khắc phục; quyền của NKT ngày càng được đảm bảo tốt hơn;
- Thông qua các hoạt động trợ giúp NKT, nhận thức của cộng đồng về vấn đề khuyết tật như: Luật NKT; Công ước của Liên hợp quốc về quyền của NKT; các hoạt động trợ giúp xã hội cho NKT và các chính sách liên quan khác được nâng lên rõ rệt;
- Hoạt động của một số tổ chức xã hội liên quan đến NKT ở Trung ương và địa phương đã đóng góp tích cực vào việc thực hiện chính sách và pháp luật về NKT;
- Từng bước truyền thông, tạo sự thay đổi về nhận thức toàn xã hội cũng như giúp NKT tự tin hơn, hòa nhập vào đời sống xã hội tốt hơn.

### **2. Tồn tại**

- Công tác giám sát, đánh giá và thống kê, tổng hợp số liệu NKT còn nhiều bất cập, chưa phản ánh, cập nhật chính xác được quy mô và thực trạng NKT của tỉnh (chủ yếu chưa phản ánh đầy đủ số lượng NKT nhẹ);
- Một số Sở, ban ngành và các địa phương triển khai Đề án trợ giúp NKT, Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền của NKT còn chậm, bố trí kinh phí thấp hoặc không bố trí;
- Rào cản về tiếp cận giao thông, đi lại vẫn là một trong rào cản lớn nhất hiện nay, nhất là ở những vùng nông thôn; các công trình xây dựng từ trước không được quan tâm cải tạo đảm bảo tiếp cận cho NKT;
- Số lượng NKT được nhận giấy xác nhận khuyết tật còn rất ít, mới chủ yếu là đối tượng NKT nặng và đặc biệt nặng để hưởng trợ cấp hàng tháng; NKT được xác định mức độ khuyết tật là nhẹ chưa được cấp giấy xác nhận khuyết tật tương đối nhiều;
- NKT tiếp cận vay vốn ưu đãi còn hạn chế, một phần là do NKT không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì không được vay vốn của Quỹ quốc gia giải quyết việc làm. Đồng thời, nguồn vốn có hạn, nên số NKT được vay vốn để giải quyết việc làm tương đối thấp;
- Hạn chế về nhận thức của cộng đồng về sự phát triển của trẻ khuyết tật và tầm quan trọng của giáo dục trẻ khuyết tật, trong đó có cả cha mẹ, cán bộ giáo dục và giáo viên. Nhiều cha mẹ ít tin tưởng vào chất lượng giáo dục hòa nhập nên không gửi con đến trường, làm hạn chế hiệu quả của phương pháp giáo dục này đồng thời cản trở cơ hội tiếp cận các dịch vụ giáo dục của trẻ khuyết tật;

- NKT còn khó tiếp cận các hoạt động văn hóa, giải trí, thể dục thể thao ở cơ sở. Số lượng NKT tiếp cận sử dụng Internet thấp, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi;

- Đội ngũ cán bộ thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh chưa được đào tạo bài bản về ngôn ngữ của NKT nên gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận, trao đổi và tiến hành trợ giúp pháp lý cho NKT;

- Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã không có sự tham gia của ngành giáo dục, dẫn đến những dạng khuyết tật có liên quan đến khó khăn về học tập không được xác định chính xác.

### **3. Nguyên nhân**

- Nhận thức, sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền, địa phương trong việc thực hiện luật pháp, chính sách đối với NKT còn hạn chế;

- Việc lồng ghép các chính sách, nguồn lực trong các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đối với NKT chưa tốt, nhất là chính sách dạy nghề, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế cho NKT;

- Còn nhiều rào cản xã hội do nhận thức của cộng đồng, gia đình và bản thân NKT chưa đúng và chưa đầy đủ. Một bộ phận NKT chưa tự tin, vượt lên số phận, chưa được hỗ trợ kịp thời để vươn lên hòa nhập cộng đồng.

### **4. Kiến nghị**

#### **4.1. Đối với Trung ương, Bộ ngành**

- Đề nghị Trung ương, Bộ, ngành tăng cường đầu tư, củng cố và phát triển mạng lưới phục hồi chức năng, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao chất lượng dịch vụ phục hồi chức năng;

- Có quy định yêu cầu các doanh nghiệp vận tải từng bước thay thế, đưa vào sử dụng các phương tiện vận tải thân thiện, có khả năng tiếp cận cho NKT sử dụng;

- Cần tăng cường hướng dẫn, thẩm định, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng giao thông phù hợp để NKT có cơ hội tiếp cận, sử dụng;

- Xây dựng các chương trình đào tạo nghề phù hợp với khả năng của NKT và phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. Cần tách dạy nghề cho NKT ra khỏi các chương trình dạy nghề, không nên gán chung như một số chương trình đang thực hiện hiện nay.

#### **4.2. Đối với UBND tỉnh**

- Để việc thực hiện Đề án trợ giúp NKT giai đoạn 2012-2020 có hiệu quả, đề nghị hàng năm ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án cho các Sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố; Hội đoàn thể để triển khai các hoạt động trợ giúp NKT;

- Đẩy mạnh công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, chú trọng công tác phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, can thiệp sớm trẻ khuyết tật để từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống của NKT về mọi mặt; Tăng cường giám sát, thúc đẩy, cải tạo, xây mới các công trình công cộng đảm bảo NKT có khả năng tiếp cận sử dụng;

- Tăng cường ngân sách, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho giáo dục trẻ khuyết tật, hàng năm Nhà nước bố trí ngân sách thích hợp để thực hiện chính sách đối với trẻ khuyết tật và giáo viên trực tiếp dạy học trẻ khuyết tật;

- Thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cấp tỉnh để tư vấn, hỗ trợ cho giáo viên, cha mẹ học sinh, trẻ khuyết tật, can thiệp sớm, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, cán bộ cộng đồng theo Thông tư liên tịch số 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, đình chỉ hoạt động, tổ chức lại, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;

- Tạo điều kiện hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động trợ giúp pháp lý cho NKT như: biên soạn và phát hành sách hỏi đáp pháp luật, tờ gấp pháp luật có nội dung phổ biến, truyền thông về quyền được trợ giúp pháp lý và các quyền, nghĩa vụ khác của NKT; xây dựng và lắp bảng quảng bá về trợ giúp pháp lý đặt tại trụ sở hội NKT các cấp, các cơ sở trợ giúp xã hội.

## **B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019**

1. Phối hợp hoạt động giữa các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các đơn vị có liên quan trong việc triển khai kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về NKT, Luật NKT và Đề án trợ giúp NKT giai đoạn 2012-2020; tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật, các chính sách đối với NKT; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày NKT Việt Nam 18/4 và ngày quốc tế về NKT 3/12.

2. Tổng hợp, đánh giá và hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về Quyền của NKT, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Quốc gia về NKT Việt Nam, UBND tỉnh.

3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện pháp luật, chính sách của nhà nước đối với NKT tại một số địa phương.

4. Tổ chức thực hiện các hoạt động của dự án “Tăng cường cơ hội và nâng cao vị thế cho NKT giai đoạn 2018-2021 tại tỉnh Thừa Thiên Huế” do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa kỳ tài trợ thông qua Trung tâm hành động vì sự phát triển cộng đồng.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Luật NKT và Đề án trợ giúp NKT giai đoạn 2012-2020 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018, kế hoạch 2019, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Quốc gia về NKT Việt Nam./.

### **Nơi nhận:**

- UBQG NKT VN;
- Bộ LĐTBXH;
- UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, BTXH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Người ký: Sở Lao động -  
Thương binh và Xã hội  
Email:  
slđtbxh@thuathienhue.gov.  
vn  
Cơ quan: Tỉnh Thừa Thiên  
Huế  
Thời gian ký: 22.04.2019  
15:35:15 +07:00



**Phan Minh Nguyệt**